

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ IV NĂM 2022

(Kèm theo văn bản số /STC-QLNS ngày /01/2023 của Sở Tài chính tỉnh Yên Bái)

Đơn vị: 1

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ IV NĂM 2022	SỐ SẴN HIỆN DỰ TOÁN NĂM
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NSDP	12,013,758	11,843,700	98.6
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	10,474,747	9,854,901	94.1
I	Chi đầu tư phát triển	2,511,740	3,396,357	135.2
1	Chi đầu tư cho các dự án	2,383,150	3,396,357	142.5
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác	128,590	0	0.0
II	Chi thường xuyên	7,311,748	6,253,423	85.5
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3,024,260	2,725,721	90.1
2	Chi khoa học và công nghệ	25,391	20,298	79.9
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	706,505	728,201	103.1
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	134,090	104,362	77.8
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	51,542	47,852	92.8
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	25,731	25,124	97.6
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	127,371	86,056	67.6
8	Chi sự nghiệp kinh tế	695,334	515,367	74.1
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1,773,476	1,470,973	82.9
10	Chi bảo đảm xã hội	282,885	299,918	106.0
	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	34,419	27,001	78.4
	Chi thực hiện một số chính sách nhiệm vụ	229,963	0	0.0
	Chi quốc phòng	148,075	167,170	112.9
	Chi an ninh	52,706	35,379	67.1
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	5,000	5,469	109.4
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1,200	1,200	100.0
V	Dự phòng ngân sách	198,452	198,452	100.0
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh chính sách tiền lương từ 50% số tăng thu cân đối, phần dự toán tỉnh giao cao hơn dự toán trung ương	446,607		

B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	1,539,011	1,988,799	129.2
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	-	449,788	
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư			
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	1,539,011	1,539,011	

NSNN

ên Bái)

Triệu đông

Độc thực vật (%)	Cùng kỳ năm trước
	4
	183.1
	153.8
	90.0
	90.0
	238.4
	104.7
	95.4
	86.8
	100.0
	0.0

3,222.1